TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/12/2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Cương
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Quang Vinh
  Ông Nguyễn Hoàng Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 , về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Mộng T, sinh năm 1984.

2. Bị đơn: Lê Chí L, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt; anh L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Thị Mộng T trình bày:

Năm 2002, chị T và anh L tìm hiểu và sống chung nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống có 02 con chung tên Lê Trần Gia M, sinh ngày 06/9/2004 và Lê Trần Gia K, sinh ngày 09/02/2006. Qúa trình chung sống giữa anh chị xảy ra rất nhiều mâu thuẫn do anh L thường xuyên đánh đập chị T và

anh L có sử dụng ma túy. Anh chị đã ly thân hơn 7 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm đã không còn nên chị T yêu cầu giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Chí L.

- Về con chung: Cháu M đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh L là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh L đều vắng mặt không lý do, nên không thu thập được ý kiến của anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng là chị T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Riêng bị đơn anh L chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng nên cần phê phán rút kinh nghiệm. Và Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Anh Lê Chí L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lê Chí L, hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị T và anh L không có đăng ký kết hôn, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh L, yêu cầu được nuôi con chung nên phát sinh tranh chấp về nuôi con của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*".

Trong thời gian chung sống, chị T và anh L phát sinh mâu thuẩn trầm trọng do anh L đánh đập chị T và anh L có sử dụng ma túy. Tuy nhiên, do chị T và anh L chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị T cũng có đầy đủ điều kiện tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn phải chị án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn không phải chị án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[2.5] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mộng T và anh Lê Chí L.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Trần Gia K, sinh ngày 19/02/2006 cho chị Trần Thị Mộng T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Lê Chí L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Lê Chí L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001042 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị T đã nộp đủ.

Chị Lê Chí L không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Trần Thị Mộng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/12/2022). Anh Lê Chí L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Thạnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Cương